TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 427/2019/HS-ST
Ngày 27-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Hồng Nga;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 424/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1978 tại Thanh Hóa; thường trú: Thôn B, xã Th L, huyện H L, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Số 14/5A8, khu phố B Đ, phường B H, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Tuấn Qu, sinh năm 1954 và bà Trịnh Thị T, sinh năm 1952; bị cáo có 02 anh em ruột, lớn sinh năm 1976, nhỏ sinh năm 1980; bị cáo có vợ tên Tô Thị L, sinh năm 1973, có 02 con ruột, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2008; tiền án: Ngày 24/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện D A (nay là thị xã D A), tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 268/2009/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/10/2010 nhưng chưa đóng án phí; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2019; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Lê Kim A, sinh năm 1972; thường trú: Số 193/15A khu phố Ch L, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Số 96A đường L H Ph, khu phố Đ Th, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978; thường trú: Số 22/18 khu phố B

Qư A, phường B Ch, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Lê Văn B, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 96A đường L H Ph, khu phố Đ Th, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17/01/2019, Phạm Văn T đang ở phòng trọ tại nhà số 14/5A8, khu dân cư M T, khu phố B Đ, phường B H, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương thì có một người bạn tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến và đưa cho T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH398048 cấp ngày 28/3/2017 mang tên Nguyễn Văn D và 01 bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1975, thường trú: Khu phố T H, phường T V H, thị xã T U, tỉnh Bình Dương và kêu T mang đi cầm cố, nếu cầm cố được thì H sẽ cho T tiền xài thì T đồng ý. Sau đó, T dán ảnh của T lên bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D rồi photo lại nhằm để cho người nhận cầm cố tin tưởng đây là thửa đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là của T. Sau đó, T và H mang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng bản photo chứng minh nhân dân đã làm giả đi đến tiệm cầm đồ V B, địa chỉ số 96A, đường L H Ph, khu phố Đ Th, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương của bà Lê Kim A để cầm cố. Khi gặp bà Kim A, Tuấn tự xưng là Nguyễn Văn D rồi đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH398048 kèm theo bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D đã làm giả cho bà Kim A và nói có thửa đất trên nhưng do kẹt tiền nên muốn thế chấp, cầm cố với số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối chiếu với bản photo chứng minh nhân dân và hình ảnh trong bản photo chứng minh nhân dân, thấy phù hợp với mặt người cầm cố nên bà Kim A đồng ý cầm cố với số tiền 10.000.000 đồng nhưng do T năn nỉ xin thêm nên bà Kim A đồng ý cầm cố với số tiền 12.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng từ ngày 17/01/2019 đến ngày 17/02/2019 với lãi suất 03%/tháng, đồng thời yêu cầu T đưa bản photo chứng minh nhân dân và viết hợp đồng cho vay thế chấp (biên nhận cầm đồ) để T và bà Kim A ký vào, mỗi người giữ một bản. Sau khi thực hiện xong việc cầm cố và nhận tiền, T cùng H ra khỏi tiệm cầm đồ và đi về. Trên đường về, T đưa cho H số tiền 12.000.000 đồng thì được H cho 1.000.000 đồng, sau đó H bỏ đi đâu không rõ. Do đã quá thời hạn cầm cố theo hợp đồng mà không thấy T đến trả lãi cũng như chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nên bà Kim A đã tìm hiểu thông tin về chủ sở hữu và địa chỉ của thửa đất mà T đã cầm cố thì biết được thửa đất và bản photo chứng minh nhân dân kèm theo không phải là của người đã đem cầm cố cho bà Kim A. Nghi ngờ mình bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ngày 23/8/2019, bà Lê Kim A đến trình báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị

xã D A, tỉnh Bình Dương. Tiến hành xác minh và làm việc với ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975, thường trú: Ấp T H, xã T V H, thị xã T U, tỉnh Bình Dương xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CH398048 cấp ngày 28/3/2017 kèm theo bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1975, thường trú: Khu phố T H, phường T V H, T U, tỉnh Bình Dương là không phải của ông D.

Quá trình điều tra xác định thửa đất trên trước đây của ông Nguyễn Văn D nhưng vào ngày 20/11/2017 đã được chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân Thn, sinh năm 1978, ngụ tại địa chỉ số 22/18, khu phố B Qu A, phường B Ch, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận vào ngày 15/12/2017. Hiện thửa đất trên do ông Th là chủ sở hữu và chưa có biến động về đất đai.

Đến ngày 24/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Văn T để tiến hành điều tra. Tại trụ sở công an, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH398048 cấp ngày 28/3/2017 mang tên Nguyễn Văn D và 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1975, thường trú: Khu phố T H, phường T V H, thị xã T U, tỉnh Bình Dương.

Theo Kết luận giám định số: 332/GĐ-PC09 ngày 31/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương, kết luận:

1. Hình dấu tròn có nội dung: "*CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM * TỈNH BÌNH DƯƠNG - SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG" và "VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI - T. BÌNH DƯƠNG - CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TX.THUẬN AN" trên tài liệu là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH398048 cấp ngày 28/3/2017 mà Tuấn đem cầm cố cho chị Kim Anh so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu làm mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra, là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

2. Chữ ký mang tên Phạm Xuân Ng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH398048 cấp ngày 28/3/2017 so với chữ ký của Phạm Xuân Ng trên tài liệu mẫu không phải do cùng một người ký ra.

3. Chữ ký mang tên Phan Anh T trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH398048 cấp ngày 28/3/2017 so với chữ ký của Phan Anh T trên các tài liệu mẫu không phải do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì Kết luận giám định số: 332/GĐ-PC09 ngày 31/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương.

Đối với hành vi đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng dất đi cầm nhưng Tuấn không biết đây là sổ giả và hành vi dùng giấy chứng minh photo gián hình không có bản gốc đi cầm tài sản không cấu thành tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý.

Đối với người đàn tên H đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bị cáo Phạm Văn T, hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 444/CT-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Phạm Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Phạm Văn Tuấn từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH398048 cấp ngày 28/3/2017 mang tên Nguyễn Văn D và 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1975, thường trú: Khu phố T H, phường T V H, thị xã T U, tỉnh Bình Dương, là giấy tờ giả nên đề nghị tịch thu lưu hồ sơ.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Kim A yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 12.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (mức lãi suất 1,66%/tháng x 09 tháng) là 2.191.000 đồng, tổng cộng 14.191.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị

hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 10 giờ ngày 17/01/2019 tại tiệm cầm đồ V B, địa chỉ số 96A, đường L H Ph, khu phố Đ Th, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Phạm Văn Tuấn đã có hành vi dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả và bản photo chứng minh nhân dân giả để cầm cố cho bà Lê Kim A với số tiền 12.000.000 đồng, nhằm chiếm đoạt tài sản của bà Lê Kim A.

[3] Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng của bị hại, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản'' theo quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 444/CT – VKS ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi lừa dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm' theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu thể hiện bị cáo có tiền án tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức chưa được xóa án tích đồng thời bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên cũng cầm xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương đồng thời bị cáo là người có nhân thân xấu, có tiền án chưa được xóa án tích, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Tuy nhiên, bị cáo là người là người không có nghề nghiệp, áp dụng hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH398048 cấp ngày 28/3/2017 mang tên Nguyễn Văn D và 01 (một) bản photo chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1975, thường trú: Khu phố T H, phường T V H, thị xã T U, tỉnh Bình Dương, là giấy tờ giả nên cần tịch thu lưu vào hồ sơ.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Kim A yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 12.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (mức lãi suất 1,66%/tháng x 09 tháng) là 2.191.000 đồng, tổng cộng 14.191.000 đồng, đồng thời tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[11] Đối với hành vi đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng dất đi cầm nhưng Tuấn không biết đây là sổ giả và hành vi dùng giấy chứng minh photo gián hình không có bản gốc đi cầm tài sản không cấu thành tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D A, tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý và đối với người đàn tên H đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bị cáo Phạm Văn T, hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D A tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn T bồi thường cho bị hại Lê Kim A 12.000.000 (mười hai triệu) đồng và tiền lãi 2.191.000 (hai triệu một trăm chín mươi mốt nghìn) đồng, tổng cộng 14.191.000 (mười bốn triệu một trăm chín mươi mốt nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 710.000 (bảy trăm mười nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒÀ